

**SỞ GTVT KIÊN GIANG
XÍ NGHIỆP BẾN XE – TÀU**

Số: 28/CV-XNBXT
V/v kê khai giá dịch vụ cung cấp
tại cảng biển

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Kiên Giang, ngày 24 tháng 01 năm 2025

Kính gửi: Cảng vụ Hàng hải Kiên Giang.

Thực hiện quy định tại Luật Giá, Nghị định số 85/2024/NĐ-CP ngày 10/7/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Giá.

Xí nghiệp Bến xe - tàu Kiên Giang gửi Bảng kê khai mức giá dịch vụ cung cấp tại Cảng hành khách quốc tế Phú Quốc (đính kèm).

Mức giá kê khai này thực hiện từ ngày 01/02/2025.

Xí nghiệp Bến xe - tàu Kiên Giang xin chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của mức giá mà chúng tôi đã kê khai.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Phòng KH-TV, VT.



Trần Quý Đảo

- Họ và tên người nộp văn bản: Nguyễn Hoàng Anh
- Địa chỉ đơn vị thực hiện kê khai: Quốc lộ 61, xã Vĩnh Hòa Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.
- Số điện thoại liên lạc: 0944.488.288.
- Email: nguyenhoanganh238@gmail.com

**GHI NHẬN NGÀY NỘP VĂN BẢN KÊ KHAI GIÁ CỦA CƠ QUAN TIẾP
NHẬN**



SỞ GTVT KIÊN GIANG
XÍ NGHIỆP BẾN XE – TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kiên Giang, ngày 24 tháng 01 năm 2025

BẢNG KÊ KHAI MỨC GIÁ

(Kèm theo công văn số 28/CV-XNBXT ngày 24/01/2025 của Xí nghiệp Bến xe - tàu
Kiên Giang về việc kê khai giá hàng hóa, dịch vụ)

1. Mức giá kê khai:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Loại giá (bán buôn, bán lẻ)	Giá kê khai kỳ liền kề trước (kèm số văn bản kê khai)		Giá kê khai kỳ này		Thời điểm định giá, điều chỉnh giá	Mức tăng/giảm so với kỳ liền kề trước	Tỷ lệ tăng/giảm (%) so với kỳ liền kề trước	Ghi chú
				Giá chưa VAT	Giá có VAT (10%)	Giá chưa VAT	Giá có VAT (10%)				
A	Đối với tàu thuyền, hành khách hoạt động vận tải nội địa										Áp dụng theo QĐ 809/QĐ-BGTVT ngày 01/7/2024
I	Đối với tàu thuyền										
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến	Đồng/GT/giờ				13,50	14,85				
2	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	Đồng/GT/giờ				13,50	14,85				
3	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu, phao neo	Đồng/GT/giờ				6,75	7,425				
4	Tàu thuyền chở khách thông qua cầu, bến từ 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ 4 trở đi áp dụng mức										
4.1	Neo buộc tại cầu, bến	Đồng/GT/giờ				6,75	7,425				

B	Đối với tàu thuyền, hành khách hoạt động vận tải quốc tế									
I	Đối với tàu thuyền									
1	Tàu thuyền neo buộc tại cầu, bến	USD/ GT/giờ				0,0028	0,00308			
2	Tàu thuyền nhận được lệnh rời cảng mà vẫn chiếm cầu, bến	USD/ GT/giờ				0,0054	0,00594			
3	Tàu thuyền cập mạn với tàu thuyền khác ở cầu	USD/ GT/giờ				0,0014	0,00154			
4	Tàu thuyền chở khách thông qua cầu, bến từ 04 chuyến/tháng/khu vực hàng hải, từ chuyến thứ 4 trở đi áp dụng mức:									
4.1	Neo buộc tại cầu, bến	USD/ GT/giờ				0,0014	0,00154			
II	Đối với hàng hóa, hành khách thông qua cầu, bến									
1	Làm hàng tại cầu cảng	USD/ tấn				0,16	0,176			
2	Hàng hóa là phương tiện vận tải thông qua cầu, bến									
2.1	Xe bảo ôn, xe xích, gầu ngoạm, xa lăn đường, xe nâng hàng	USD/ chiếc				2,43	2,673			
2.2	Xe ô tô 15 chỗ ngồi trở xuống, xe có trọng tải 2,5 tấn trở xuống	USD/ chiếc				0,81	0,891			
2.3	Các loại ô tô khác	USD/ chiếc				1,62	1,782			
3	Hàng hóa là hàng lỏng (gas lỏng, xăng dầu, nhựa đường lỏng)	USD/ tấn				0,81	0,891			

Áp dụng
theo QĐ
809/QĐ-
BGTVT
ngày
01/7/2024



4	Hành khách trên tàu khách du lịch quốc tế hoạt động tại các cảng biển ở Việt Nam thông qua cầu, bến cảng tại cảng biển khai thác dịch vụ làm hàng hóa kết hợp đón tàu khách du lịch									
4.1	Lượt vào	USD/ người				2,50	2,75			
4.2	Lượt ra	USD/ người				2,50	2,75			
4.3	Trường hợp tàu thuyền đậu tại khu vực neo đậu được phép sử dụng phương tiện vận tải thủy khác để đưa đón khách vào tham quan du lịch tại đất liền hoặc các đảo và ngược lại	USD/ người				2,50	2,75			
5	Hành khách trên tàu khách du lịch quốc tế hoạt động tại các cảng biển ở Việt Nam thông qua cầu, bến cảng hành khách chuyên dụng									
5.1	Lượt vào	USD/ người				2,50	2,75			
5.2	Lượt ra	USD/ người				2,50	2,75			

Áp dụng
theo QĐ
809/QĐ-
BGTVT
ngày
01/7/2024

2. Phân tích nguyên nhân điều chỉnh giá giữa lần kê khai giá kỳ này so với kỳ liền kề trước: Không có.

3. Mức giá chia làm hai cột là giá chưa thuế giá trị gia tăng và giá có thuế giá trị gia tăng.